

Bản án số: 198/2018/HS-ST
Ngày 19-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Lý – Cán bộ hưu trí;

Ông Lục Kim Thanh – Giáo viên hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Triều Mến – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 162/2018/TL - HSST ngày 02 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2018/QĐXXST - HS ngày 05 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần V, sinh năm 1991 tại tỉnh Long An; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 1, ấp L, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; cha tên Trần S, sinh năm 1956; mẹ tên Nguyễn N, sinh năm 1964; vợ: Nguyễn P; con: 01 con sinh năm 2015; tiền án:

- Bản án số 117/2011/HSST ngày 23/5/2011 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Bình Dương xử phạt 36 tháng tù về tội: “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/11/2013, thi hành xong phần dân sự ngày 02/8/2011.

- Bản án số 226/2015/HSST ngày 23/12/2015 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xử phạt 16 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/12/2016, thi hành xong phần dân sự ngày 20/5/2016.

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 14/2008/HSST ngày 10/3/2008 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xử phạt 24 tháng tù về tội: “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/01/2009, thi hành xong phần dân sự ngày 31/7/2008;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/7/2018, chuyển tạm giam từ ngày 09/7/2018; có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn H, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, thị xã C tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn N, sinh năm 1964; địa chỉ: Số nhà 12, tổ 1, ấp L, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương; có mặt;

Anh Nguyễn S, sinh năm 1982, địa chỉ: Tổ 13, khu phố 5, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Nguyễn S, sinh năm 1982, địa chỉ: Tổ 13, khu phố 5, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 05/7/2018, Trần V gọi điện thoại cho chị Trần C, sinh năm 1996, địa chỉ: Khu phố 1, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương hẹn gặp nhau tại Bệnh viện Đa khoa P thuộc khu phố 3, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương, để đi xem phim. Khoảng 13 giờ 40 phút cùng ngày, V điều khiển xe mô tô hiệu Sonic, màu đen, biển số 61G1 – 638.99 đến bãi giữ xe của Bệnh Viện Đa khoa P gửi xe để đi cùng xe với chị C. Khi vào gửi xe, V trông thấy anh Nguyễn H để xe mô tô hiệu Vision, màu xanh, biển số 61G1 - 58867 cách xe mô tô của V khoảng 10 m, anh H lấy một ví da bỏ vào cốp xe mô tô biển số 61G1 – 61G1-58867 nên V nảy sinh ý định lấy trộm ví da của anh H. Để thực hiện ý định, V ra ghế phía trước bãi giữ xe quan sát cho đến khi anh H đi vào bên trong Bệnh viện và xung quanh không còn khách gửi xe, V quay lại chỗ để xe mô tô biển số 61G1-58867 của anh H, dùng tay phải nắm kéo yên xe lên, dùng tay trái luôn khe hở giữa yên xe lấy cái ví da của anh H bỏ vào túi quần của V, sau đó, V đi ra ghế đá ngồi đợi chị C; khoảng 01 phút sau thì chị C điều khiển xe mô tô đến chờ V đi xem phim.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, anh H ra lấy xe mô tô biển số 61G1-58867 về thì phát hiện bị lấy trộm ví da nên yêu cầu Tổ trưởng Tổ bảo vệ của Bệnh viện Đa khoa P là anh Nguyễn S cho xem hình ảnh trong Camera, được đặt tại bãi giữ xe của Bệnh viện Đa khoa P thì thấy V là người lấy trộm ví da của anh H; anh S đã giữ xe mô tô biển số 61G1 – 638.99 của V và trình báo sự việc đến Công an phường P, thị xã C.

Đối với V, sau khi lấy trộm ví da của anh H, V chở chị C đến rạp chiếu phim CGV thuộc phường N, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Tại đây, chị C đi mua vé xem phim, còn V đi vào phòng vệ sinh nam để kiểm tra ví vừa trộm được, trong ví có 17.350.000 đồng và các giấy tờ cá nhân của anh H gồm: 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61G1-58867, xe mô tô biển số 61G1-24722; 01 thẻ ATM do Ngân hàng Agribank phát hành, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe A1, 01 bảo hiểm xe máy số 5850640, 01 thẻ bảo hiểm y tế số 4744396055770, 01 thẻ đoàn viên, tất cả đều mang tên Nguyễn H. Lúc này, V lấy số tiền 17.350.000 đồng, còn ví da cùng giấy tờ cá nhân của anh H, V đem vứt bỏ vào thùng rác, V đi vào bên trong xem phim với chị C. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, V gọi điện thoại cho nam thanh niên tên T, không rõ họ tên, địa chỉ đến rạp chiếu phim để V trả 15.000.000 đồng; khi T đến rạp chiếu phim thì V trả cho T 15.000.000 đồng và gửi T 2.000.000 đồng để nhờ T trả cho N, không rõ họ tên, địa chỉ. Sau khi xem phim xong, V và chị C đến tiệm bán rau của mẹ V là bà Nguyễn N, V ở lại đây còn chị C chạy xe về nhà. V nhờ cháu ruột tên Phạm A chở V đến Bệnh viện Đa khoa P để lấy xe, khi đến nơi thì bị Công an phường P, thị xã C bắt giữ.

Tài sản thu giữ của bị cáo V:

- + 01 Điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu đen đã qua sử dụng;
- + 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trần V;
- + 01 Thẻ giữ xe biển số 61G1-638.99 của anh Nguyễn S;

Tài sản thu giữ do quản lý tại rạp chiếu phim là anh Vũ N giao nộp, gồm:

- + 02 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61G1-58867, xe mô tô biển số 61G1-24722;
- + 01 Thẻ ATM do Ngân hàng Agribank phát hành;
- + 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn H;
- + 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn H;
- + 01 Bảo hiểm xe máy số 5850640;
- + 01 Thẻ bảo hiểm y tế số 4744396055770 mang tên Nguyễn H;
- + 01 Thẻ đoàn viên mang tên Nguyễn H.

Tại Kết luận về việc định giá tài sản ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã C, tỉnh Bình Dương, kết luận: 01 ví tiền chất liệu bằng da voi đã qua sử dụng có giá 810.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Công an thị xã C, tỉnh Bình Dương;

- Bị cáo V thừa nhận toàn bộ hành vi lấy trộm tài sản của anh H. Việc bị cáo lấy trộm tài sản, chị C không biết.

- Anh Nguyễn H trình bày: Tài sản anh bị bị cáo V lấy trộm là số tiền 17.350.000 đồng, ví da chất liệu bằng da voi cùng các giấy tờ cá nhân do anh đứng tên; Trong quá trình điều tra, anh đã nhận lại đủ các giấy tờ cá nhân của

anh và mẹ bị cáo là bà Nguyễn N đã tự nguyện bồi thường cho anh thay cho bị cáo số tiền 18.250.000 đồng. Nay anh không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm. Về trách nhiệm hình sự, anh đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo V.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn N trình bày: Số tiền 18.250.000 đồng bà bồi thường cho anh H là do bị cáo V tác động bà bồi thường thay cho bị cáo V, bà không có yêu cầu gì đối với số tiền này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn S trình bày: Thẻ giữ xe biển số 61G1 – 638.99 là do anh phát hành để phục vụ trong việc giữ xe tại Bệnh viện Đa khoa P. Trong quá trình điều tra, thẻ giữ xe này đã được gia đình của bị cáo trả lại cho anh, nên anh không có yêu cầu gì.

- Người làm chứng, anh Nguyễn S trình bày: Khi anh H thông báo bị lấy trộm tài sản, anh đã mở Camera được lắp đặt tại bãi giữ xe Bệnh viện Đa khoa P và thấy V là người lấy trộm tài sản của anh H, anh đã giữ xe biển số 61G1 – 638.99 của V lại và trình báo sự việc đến Công an phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Với những tình tiết như trên, tại Cáo trạng số 171/CT – VKSDT ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Trần V về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa;

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương đã truy tố. Đối với Kết luận về việc định giá tài sản ngày 11/7/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã C, tỉnh Bình Dương, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn N trình bày: Số tiền 18.250.000 đồng bà bồi thường cho anh H là do bị cáo V tác động và bà tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo V. Trong số tiền này có 18.160.000 đồng là tiền bồi thường thiệt hại cho anh H, còn lại 90.000 đồng là bà hỗ trợ thêm cho anh H, nay bà không có yêu cầu gì đối với số tiền này.

- Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trần V đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần V từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Ghi nhận bà Nguyễn N là mẹ của bị cáo Trần V đã tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn H thay cho bị cáo số tiền 18.160.000 đồng, hỗ trợ thêm cho anh H số tiền 90.000 đồng, tổng cộng là 18.250.000 đồng. Anh Nguyễn H không có

yêu cầu gì về phân trách nhiệm dân sự đối với bị cáo và bà N không yêu cầu gì đối với số tiền bà bồi thường thay cho bị cáo.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ để bị cáo có cơ hội trở lại xã hội, lao động và thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã C, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần V khai nhận: Khoảng 14 giờ ngày 05 tháng 7 năm 2018 tại bãi giữ xe của Bệnh viện Đa khoa P thuộc khu phố 3, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, bị cáo đã lén lút lấy trộm 01 ví tiền chất liệu bằng da voi trị giá 810.000 đồng và số tiền 17.350.000 đồng của anh H, tổng giá trị tài sản bị cáo V lấy trộm của anh H là 18.160.000 đồng. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, sơ đồ hiện trường, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương đã truy tố. Xét thấy, bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích, nay tiếp tục thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của anh H. Do đó, hành vi của bị cáo Trần V đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tính chất: Hành vi phạm tội của bị cáo V là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo biết rõ việc lấy trộm tài sản của người khác là phạm tội, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tác động mẹ bị cáo là bà Nguyễn N bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; đây là các

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

Xét thấy, ngoài Bản án số 117/2011/HSST ngày 23/5/2011 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Bình Dương và Bản án số 226/2015/HSST ngày 23/12/2015 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương, bị cáo chưa được xóa án tích, nhân thân bị cáo còn có 01 Bản án số 14/2008/HSST ngày 10/3/2008 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương, đã được xóa án tích, điều này cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo là không cao, cần phải xử phạt bị cáo với mức án tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định, mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội, đồng thời mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên – Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; xét mức hình phạt mà Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với các tài sản thu giữ của bị cáo V gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu đen đã qua sử dụng; 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần V, 01 thẻ giữ xe biển số 61G1- 638.99 và các giấy tờ cá nhân của anh H gồm: 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61G1 - 58867, xe mô tô biển số 61G1- 24722, 01 thẻ ATM do Ngân hàng Agribank phát hành, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1; 01 bảo hiểm xe máy số 5850640; 01 thẻ bảo hiểm y tế số 4744396055770, 01 thẻ đoàn viên, tất cả đều mang tên Nguyễn H. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra Công an thị xã C đã trả các tài sản trên cho bị cáo V, anh H và gia đình của bị cáo V thay bị cáo V trả 01 thẻ giữ xe biển số 61G1- 638.99 cho anh Nguyễn S nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

- Ghi nhận bà Nguyễn N là mẹ của bị cáo Trần V đã tự nguyện bồi thường cho bị hại anh Nguyễn H số tiền 18.160.000 đồng và hỗ trợ thêm cho anh H số tiền 90.000 đồng, tổng cộng là 18.250.000 đồng. Anh H và bà N không có yêu cầu gì về phân trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

- Ghi nhận anh Nguyễn S đã nhận lại 01 thẻ giữ xe biển số 61G1- 638.99 và không yêu cầu bị cáo V bồi thường thiệt hại.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Trần V phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần V: 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 05/7/2018.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Đối với các tài sản thu giữ của bị cáo V gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu đen đã qua sử dụng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần V, 01 thẻ giữ xe biển số 61G1- 638.99 và các giấy tờ cá nhân của anh H gồm: 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61G1 - 58867, xe mô tô biển số 61G1- 24722, 01 thẻ ATM do Ngân hàng Agribank phát hành, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 bảo hiểm xe máy số 5850640; 01 thẻ bảo hiểm y tế số 4744396055770, 01 thẻ đoàn viên đều mang tên Nguyễn H. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra Công an thị xã C đã trả các tài sản trên cho bị cáo Trần V, anh Nguyễn H và gia đình của bị cáo Trần V thay bị cáo V trả 01 thẻ giữ xe biển số 61G1- 638.99 cho anh Nguyễn S, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

- Ghi nhận bà Nguyễn N là mẹ của bị cáo Trần V đã tự nguyện bồi thường cho bị hại anh Nguyễn H số tiền 18.160.000 đồng và hỗ trợ thêm cho anh H số tiền 90.000 đồng, tổng cộng là 18.250.000 đồng. Anh Nguyễn H không có yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

- Ghi nhận bà Nguyễn N không yêu cầu gì đối với bị cáo Trần V về số tiền 18.250.000 đồng bà đã bồi thường cho bị hại anh Nguyễn H thay cho bị cáo.

- Ghi nhận anh Nguyễn S đã nhận lại 01 thẻ giữ xe biển số 61G1- 638.99 và không yêu cầu bị cáo Trần V bồi thường thiệt hại.

3. Về án phí: Căn cứ các Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần V phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trần V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn N có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Nguyễn H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn S có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- CQĐT CA thị xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Cẩm Hằng